

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 693/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 31-12-2024.

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Lân.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1, Bà Trần Thị Đông.

2, Bà Nguyễn Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hứa Hải Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 610/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2024/QĐHPT-ST ngày 19 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2001; Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Số A, ngõ A, Đặng Vũ H, Tổ B, phường T, quận L, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Trung K, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn D, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Có mặt: Chị T.

- Vắng mặt: Anh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ghi ngày 28 tháng 10 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn trong vụ án là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Trung K xây dựng gia đình với nhau năm 2023 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Cưới xong, chị về làm dâu nhà anh K ngay, ở tại nhà của bố mẹ anh K có từ trước tại thôn D, xã M và làm ăn kinh tế riêng.

Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc với nhau được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Tháng 10 năm 2024, do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị

đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở và sống ly thân với anh K từ đó đến nay. Theo chị, nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không có tiếng nói chung, anh K mãi chơi, thường xuyên ra ngoài nhậu nhẹt rồi về nhà kiếm chuyện với vợ. Hai gia đình cũng đã khuyên bảo, dàn xếp cho vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị xác định hôn nhân giữa chị và anh K không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn gì nên xin được ly hôn anh K để sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

- Về con chung: Chị và anh K không có con chung nên chị không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Chị và anh K mới chung sống với nhau được một thời gian ngắn nên không có tài sản chung, công sức và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 02 tháng 12 năm 2024, bị đơn trong vụ án là anh Trần Trung K trình bày: Anh xây dựng gia đình với chị Nguyễn Thị T cuối năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M ngày 02/11/2023. Sau khi cưới, chị T về làm dâu nhà anh ngay, ở chung nhà với bố mẹ đẻ anh nhưng làm ăn kinh tế riêng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ hơn 01 tháng nay không quay lại chung sống với anh nữa. Anh cũng đã sang nhà bố mẹ đẻ chị T để gọi chị về tiếp tục chung sống nhưng chị T kiên quyết không về. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị T không có con chung nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung, công sức và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện hoàn toàn đầy đủ, đúng với các qui định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

- Nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đầy đủ các Thông báo và Quyết định tố tụng của Tòa án, các qui định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn là anh Trần Trung K không chấp hành đúng các thông báo, quyết định của Tòa án, vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có đơn xin vắng mặt.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Các Điều: 28, 35, 39, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

- Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Trung K.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp cả 300.000 đồng tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn đối với anh Trần Trung K. Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Bị đơn trong vụ án là anh Trần Trung K có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt nên không tham gia phiên họp, hoà giải và các phiên toà mặc dù đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 227, 288, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giành quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Trung K và chị Nguyễn Thị T xây dựng gia đình với nhau năm 2023, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Đăng ký số 57, ngày 02/11/2023). Sau khi cưới, anh chị chung sống với nhau tại nhà, đất của bố mẹ anh K có từ trước tại thôn D, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội và làm ăn kinh tế riêng. Quá trình chung sống, do vợ chồng không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống nên không có tiếng nói chung. Khi mâu thuẫn xảy ra, hai bên không tự giải quyết được với nhau và chị T đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ tháng 10 năm 2024 đến nay.

Xét thấy, để có một cuộc hôn nhân hoà thuận, hạnh phúc phải dựa trên cơ sở của sự thương yêu, tôn trọng, tin tưởng và giúp đỡ lẫn nhau giữa vợ chồng. Đối với anh K và chị T thì không được như vậy, hôn nhân của anh chị mới tồn tại được thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, trầm trọng, không tự giải quyết được. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa anh K và chị T không đạt được là xây dựng gia đình hạnh phúc. Chị T xin ly hôn, anh K cũng đồng ý. Vì vậy, ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh K để giải phóng cho mỗi bên sớm ổn định cuộc sống riêng của mình là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2.2]. Về con chung: Anh Trần Trung K và chị Nguyễn Thị T không có con chung nên không phải đặt ra giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Anh Trần Trung K và chị Nguyễn Thị T cùng có lời khai xác định vợ chồng không có tài sản chung, công sức và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1, Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Trung K.

2, Về con chung: Không có.

3, Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Không có.

4, Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0071558 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, nay chuyển thành tiền án phí nộp vào ngân sách Nhà nước.

5, Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Trung K và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- UBND. xã Mai Lâm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Lân

